TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/DS – PT
Ngày 20 tháng 5 năm 2020
"*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương
Các Thẩm phán: 1. Nguyễn Hà Giang
2. Nguyễn Kim Ái

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Phương Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Nguyễn Thị Lan Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2019/TLPT – DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án sơ thẩm số: 09/2019/DS – ST ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, Tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 104/2019/QĐXX - DSPT ngày 25 tháng 12 năm 2019, các quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T. Người đại diện theo pháp luật: Ông H, sinh năm 1962 - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông N - Chức vụ Phó Tổng Giám đốc theo giấy ủy quyền số: 74/UQ – CEO.18 ngày 28/12/2018. Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Hữu T - Nhân viên phòng thu nợ theo giấy ủy quyền ngày 17/01/2019. (Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc N, sinh năm 1980 và chị Lê Thị H, sinh năm 1991. Đều địa chỉ: Khu 3B, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Quốc N. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên toà hôm nay, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH T - Ông Nguyễn

Hữu T trình bày: Ngày 14 tháng 9 năm 2016, Công ty có giao kết 01 hợp đồng tín dụng số: 100014320 với vợ chồng anh Nguyễn Quốc N và chị Lê Thị H với nội dung cho vợ chồng anh N và chị H vay số tiền 430.000.000đ (Bốn trăm ba mươi triệu đồng) để mua 01 xe ô tô Toyota vios G, số khung RL4BT9F32G4027226, số máy Z452648, BKS: 19A13277. Đồng thời chiếc xe ô tô này là tài sản được anh N và chị H thế chấp cho Công ty để bảo đảm cho khoản vay nói trên, thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất vay là 7.99% năm, lãi suất này điều chỉnh sau 03 tháng. Vợ chồng anh N và chị H có trách nhiệm trả cho công ty mỗi tháng là 5.113.048đ (Năm triệu một trăm mười ba nghìn không trăm bốn mươi tám đồng) tiền gốc và lãi phát sinh tháng đó. Kỳ nợ đầu tiên sẽ được trả sau một tháng kể từ ngày 14/9/2016 và các kỳ trả nợ tiếp theo sẽ được thực hiện sau đó mỗi tháng một lần. Từ khi giao kết hợp đồng vợ chồng anh N và chị H chỉ thanh toán cho Công ty đến kỳ tháng 07/2017, mặc dù công ty đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh N chị H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như hợp đồng là vi phạm Điều 12 của Tập tài liệu về cấp tín dụng mua xe ô tô - một phần không tách rời của hợp đồng tín dụng. Nay Công ty TNHH T yêu cầu anh N chị H phải trả tổng số tiền gốc và lãi là 487.414.533đ, và số tiền lãi phát sinh tương ứng theo lãi suất chậm trả được quy định theo hợp đồng tín dụng đến khi anh N chị H thanh toán toàn bộ khoản tiền trên. Nếu anh N và chị H không thanh toán được thì Công ty yêu cầu anh N và chị H bàn giao tài sản bảo đảm để công ty xử lý thu hồi nợ theo quy định. Tại các bản tự khai, các biên bản hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và chỉ thay đổi tăng thêm phần lãi phát sinh đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Nay đại diện Công ty TNHH T đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Phía công ty không nhất trí với ý kiến kháng cáo trả dần mỗi tháng 100.000.000đ tiền gốc, lãi cho đến khi trả hết số tiền trên, đề nghị bác toàn bộ kháng cáo của anh Nguyễn Quốc N.

- Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải tại Tòa án anh Nguyễn Quốc N và chị Lê Thị H đều trình bày: Ngày 14/9/2016, anh N và chị Lê Thị H có vay của Công ty TNHH T số tiền là 430.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số: 100014320. Mục đích của khoản vay: Mua 01 xe ô tô TOYOTA Vios G, số khung: RL4BT9F3G4027226, số máy Z452648, BKS: 19A 132.77; đồng thời chiếc xe ô tô này là tài sản được thế chấp trong suốt thời hạn vay để đảm bảo cho khoản vay trên. Theo hợp đồng lãi suất 06 tháng đầu là 0,66583%/tháng, thời hạn vay là 84 tháng. Trả nợ gốc thành 84 kỳ, mỗi kỳ là 5.119.048 đồng và lãi điều chỉnh theo hợp đồng từng thời điểm. Tính đến nay anh N, chị H đã trả cho Công ty đến kỳ tháng 07/2017. Do việc làm ăn thua lỗ nên vợ chồng anh chị bị gián đoạn việc trả nợ. Nay phía Công ty TNHH T khởi kiện vợ chồng anh chị số tiền gốc và lãi chưa trả. Anh N, chị H hoàn toàn nhất trí trả số tiền gốc, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn. Nhưng do hoàn cảnh hiện nay gia đình anh chị đang gặp khó khăn nên anh xin

được trả dần mỗi tháng 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi cho đến khi trả hết số tiền trên.

Tại bản án dân sự số: 09/2019/DS – ST ngày 03 tháng 10 năm 2019 của TAND huyện L, tỉnh Phú Thọ đã xét xử:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 342, Điều 343, Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T đối với anh Nguyễn Quốc N và chị Lê Thị H.

Buộc anh Nguyễn Quốc N và chị Lê Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH T tính đến ngày 03/10/2019 tổng số tiền là 487.414.533đ (Bốn trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm mười bốn nghìn năm trăm ba mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là: 378.809.520đ (Ba trăm bảy mươi tám triệu tám trăm linh chín nghìn năm trăm hai mươi đồng), lãi trong hạn là: 76.265.858đ (bảy mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi tám đồng), lãi quá hạn là: 32.339.115đ (Ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi chín nghìn một trăm mười lăm đồng).

Trường hợp anh N và chị H không trả số tiền trên thì công ty TNHH T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô Toyota Vios G, số khung RL4BT9F32G4027226, số máy Z452648, BKS: 19A13277, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tên chủ xe Nguyễn Quốc N.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh N và chị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí.

Sau khi xét xử sơ thẩm anh Nguyễn Quốc N kháng cáo không nhất trí và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử, giải quyết cho anh được trả dần mỗi tháng là 100.000.000 đ số tiền gốc và số tiền lãi cho đến khi trả hết số tiền trên vì hoàn cảnh gia đình anh đang gặp khó khăn. Người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm vụ việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố

tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Quốc N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS - ST ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh N trong hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét về nội dung kháng cáo: Xét thấy, công ty TNHH T và anh Nguyễn Quốc N, chị Lê Thị H có giao kết hợp đồng tín dụng số: 100014320 ngày 14/9/2016, hợp đồng có chữ ký, chữ viết của đại diện bên cho vay, bên vay và được hai bên thừa nhận có thật, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ nội dung hợp đồng nhận thấy anh N và chị H vay số tiền 430.000.000đ với mục đích mua 01 xe ô tô Toyota vios G, số khung RL4BT9F32G4027226, số máy Z452648, BKS: 19A13277, đồng thời chiếc xe ô tô này là tài sản được anh N và chị H thế chấp để bảo đảm cho khoản vay nói trên, thời hạn vay: 84 tháng, lãi suất vay là 7.99% năm, lãi suất được điều chỉnh sau 03 tháng. Theo thỏa thuận mỗi tháng anh N, chị H có nghĩa vụ trả cho công ty TNHH T 5.113.048đ tiền gốc và lãi phát sinh tháng đó, kỳ nợ đầu tiên sẽ được trả sau một tháng kể từ ngày 14/9/2016. Các kỳ trả nợ tiếp theo được thực hiện sau đó mỗi tháng một lần. Công ty TNHH T đã tiến hành giải ngân số tiền cho vay, anh N và chị H đã nhận đủ số tiền vay như vậy quyền, nghĩa vụ của bên vay và bên cho vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên đã phát sinh. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh N và chị H đã thanh toán được số tiền đến tháng 07/2017 tổng cộng 51.130.480 đồng. Sau đó không thanh toán nữa mặc dù đã được bên cho vay nhắc nhở. Do vậy, anh N và chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Nguyễn Quốc N và chị Lê Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH T là có căn cứ. Phía anh N, chị H và đại diện của nguyên đơn đều nhất trí về số tiền Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định là 487.414.533đ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc anh N, chị H trả cho công ty TNHH T số tiền 487.414.533đ là phù hợp.

Phía anh N kháng cáo xin được trả dần mỗi tháng 100.000.000 đồng số tiền gốc và tiền lãi cho đến khi trả hết số tiền trên nhưng không đưa ra được phương án nào khả thi để có thể trả được nợ. Phía đại diện công ty TNHH T cũng không chấp nhận việc trả dần này và đề nghị thanh toán một lần số tiền gốc và lãi đã vay. Do vậy, kháng cáo của anh N không được chấp nhận. Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm: 09/2019/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

[2]. Về án phí: Do kháng cáo của anh Nguyễn Quốc N không được chấp nhận, anh N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 308, khoản 2 điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Quốc Nam. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Áp dụng Điều 342, 343, 355, 471, 473, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T đối với anh Nguyễn Quốc N và chị Lê Thị H.

Buộc anh Nguyễn Quốc N và chị Lê Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH T tính đến ngày 03/10/2019 tổng số tiền là 487.414.533đ (Bốn trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm mười bốn nghìn năm trăm ba mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là: 378.809.520đ (Ba trăm bảy mươi tám triệu tám trăm linh chín nghìn năm trăm hai mươi đồng), lãi trong hạn là: 76.265.858đ (bảy mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi tám đồng), lãi quá hạn là: 32.339.155đ (Ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi chín nghìn một trăm năm năm đồng).

Trường hợp anh N và chị H không trả số tiền trên thì công ty TNHH T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô Toyota Vios G, số khung RL4BT9F32G4027226, số máy Z452648, BKS: 19A13277, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tên chủ xe Nguyễn Quốc N.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh N và chị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Quốc Nam phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn

đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0002494 ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKS tỉnh Phú Thọ.
- Chi cục THA huyện L
- TAND huyện L
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Hương